

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 02 - 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Bà Phạm Xuân Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1018/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị M, sinh năm 1996

Đăng ký thường trú: Ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: Số H đường N, khu phố V, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tự tìm hiểu chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào tháng 8/2019. Đến ngày 30/01/2020, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H chung sống tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn H thường xuyên uống rượu, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không quan tâm, phụ giúp kinh tế với chị Trương Thị M để chăm lo cho gia đình. Ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Đến tháng 5/2021, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, thường xuyên xảy cãi vã nên anh Nguyễn Văn H đã bỏ đi làm ăn xa đến nay không quay trở về nhà; vợ chồng không còn liên lạc và sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H nhưng anh Nguyễn Văn H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Bản thân chị Trương Thị M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do chị M đã cho anh Nguyễn Văn H nhiều lần cơ hội nhưng anh H không thay đổi tính tình. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trương Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 21/5/2020. Hiện nay, con chung đang sống với chị Trương Thị M. Khi ly hôn, chị Trương Thị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp hiện tại của chị Trương Thị M là công nhân sản xuất giày da với mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng nên đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Trương Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M. Về quan hệ hôn nhân, chị Trương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung, chị Trương Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 21/5/2020; anh Nguyễn Văn H không phải cấp

đường nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung tên Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 05/02/2025, xác định anh Nguyễn Văn H có cư trú và đăng ký thường trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nhưng hiện nay thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn xa; địa phương không xác định được thời gian trở về và nơi làm việc của anh Nguyễn Văn H do anh Nguyễn Văn H không có trình báo chính quyền địa phương. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của anh Nguyễn Văn H tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Chị Trương Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H. Đồng thời, anh Nguyễn Văn H (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, chị Trương Thị M đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H của chị Trương Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trương Thị M cho rằng, chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn H thường xuyên uống rượu, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không quan tâm, phụ giúp kinh tế với chị Trương Thị M để chăm lo cho gia đình. Đến tháng 5/2021, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên anh Nguyễn Văn H đã bỏ đi và vợ chồng không còn liên lạc cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ

chồng cho chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H nhưng anh Nguyễn Văn H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không hàn gắn được. Bản thân chị Trương Thị M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do chị M đã cho anh Nguyễn Văn H nhiều lần cơ hội nhưng anh H không thay đổi tính tình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trương Thị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M.

Xét thấy, chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Nguyễn Văn H không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H nên lời trình bày của chị Trương Thị M về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Trương Thị M yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Trương Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trương Thị M xác định chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H có 01 (một) con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 21/5/2020, hiện nay đang sống với chị Trương Thị M. Khi ly hôn, chị Trương Thị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Trương Thị M, con chung hiện nay đang sống với chị Trương Thị M; quá trình sinh sống với chị Trương Thị M, con chung vẫn phát triển tốt. Để giúp cháu Nguyễn Kim A phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội

đồng xét xử xét thấy việc chị Trương Thị M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Trương Thị M và anh Nguyễn Văn H ly hôn nên anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Trương Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung:

Chị Trương Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Kim A, sinh ngày 21/5/2020. Hiện nay đang sống với chị Trương Thị M.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0023287 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang